

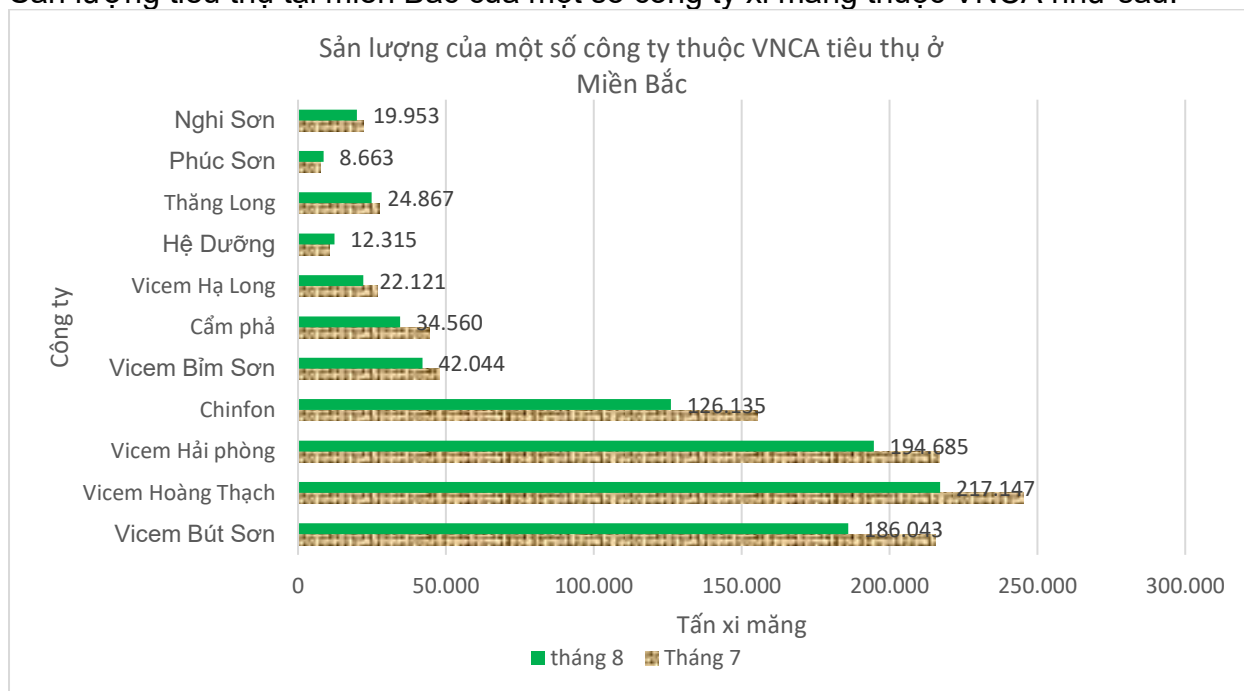
# TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 8/2022

## A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

### I.Thị trường xi măng miền Bắc:

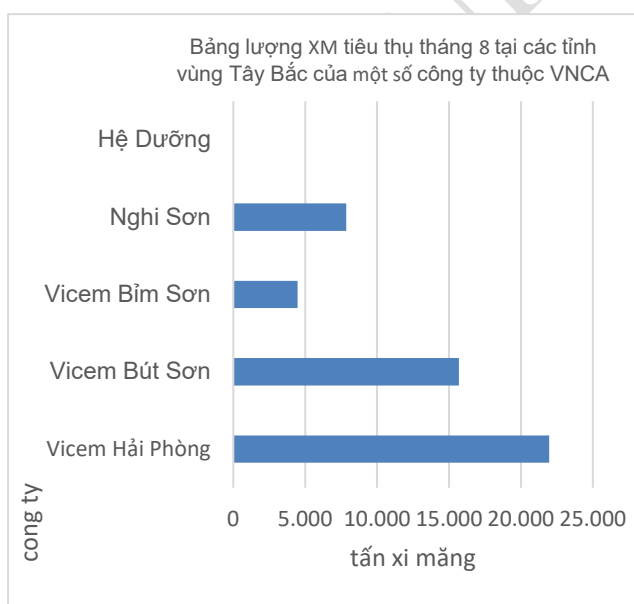
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 8/2022 là: 1.574.297 tấn (tháng 7 là 1.772.375 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

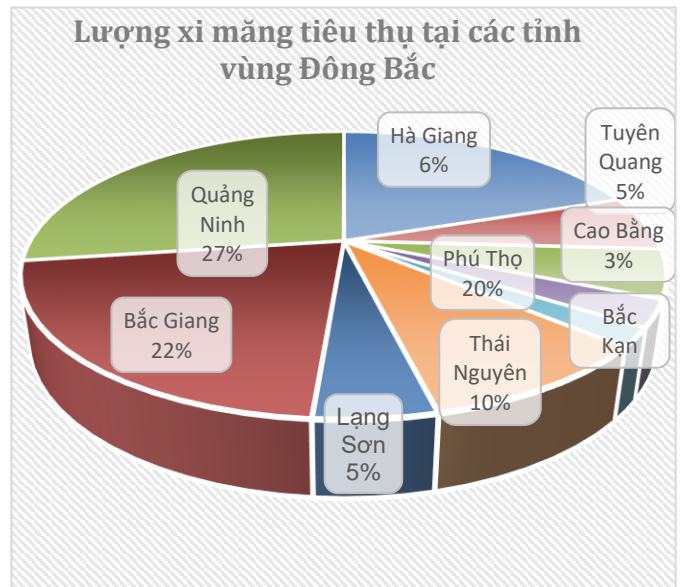
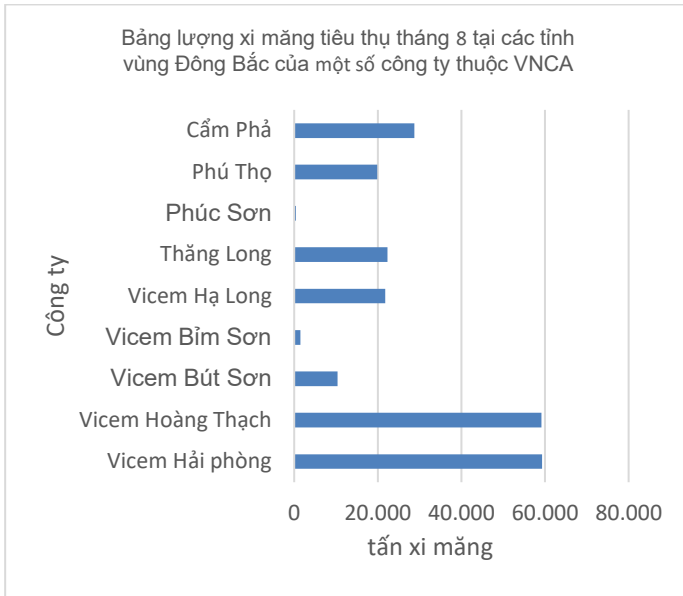


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 8/2022 như sau:

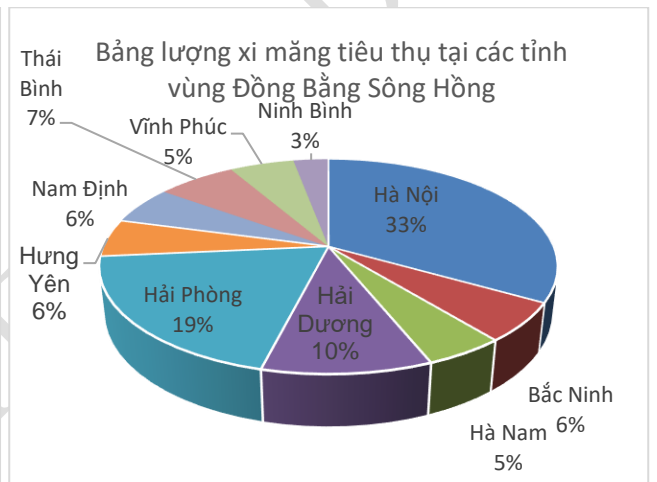
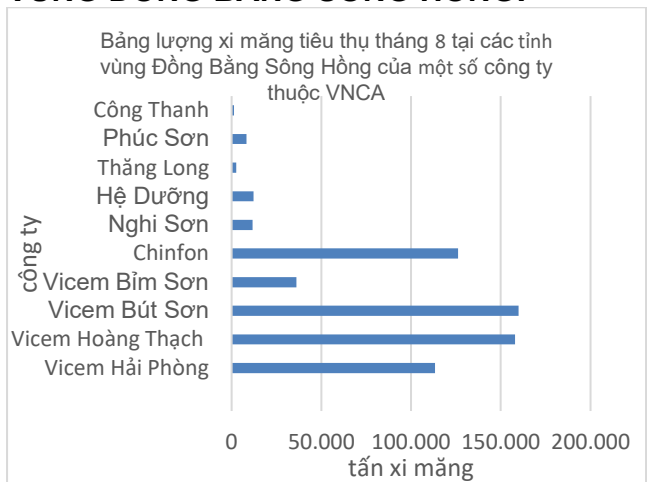
### VÙNG TÂY BẮC:



### VÙNG ĐÔNG BẮC:



**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:**



**Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:**

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

**1. Tại Yên Bái:**

- XM Yên Bình: 1.338
- XM Vicem Hải Phòng (ST): 1.518
- XM CFC: 1.725

**2. Tại Lạng Sơn:**

- XM Hoàng Thạch: 1.620
- XM Lạng Sơn: 1.150

**3. Tại Thái Nguyên:**

- XM La Hiên: 1.390
- XM Quang Sơn: 1.420
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1.280 PCB 40: 1.380

**4. Tại Quảng Ninh:**

- XM Hoàng Thạch: 1.570
- XM Phúc Sơn: 1.410
- XM Chinfon: 1.560
- XM Lam Thạch: 1.320
- XM Thăng Long PCB 40: 1.520
- XM Hạ Long PCB 40: 1.470
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.445

**5. Tại Bắc Ninh:**

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.670
- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.425
- XM Phúc Sơn: 1.515
- XM Long Sơn: 1.430
- XM Chinfon: 1.640

**6. Tại Bắc Giang:**

- XM Hoàng Thạch: 1.490
- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.510
- XM Phúc Sơn: 1.500

- XM Thăng Long PCB 40 1.510 - XM Long Sơn 1.480

**7. Tai Hải Dương:** - XM Chinfon: 1.600 - Hoàng Thạch: 1.660

- XM Cẩm phả PCB 40	1.580	- XM Phúc Sơn:	1.520
---------------------	-------	----------------	-------

**8. Tai Hưng Yên:** - XM Hoàng Thạch: 1.580

- XM Chin Fon:	1.540	- XM Bút Sơn:	1.550
- XM Phúc Sơn:	1.465		

**9. Tai Thanh Hoá:**

- XM Bím Sơn: 1.490 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.390

- XM Hoàng Mai 1.450 - XM Tam Điệp: 1.410

**10. Tai Ninh Bình:** - XM Tam Điệp: 1.400 - XM Hệ Dưỡng: 1.250 (giá tại nhà máy)

- XM Bím Sơn: 1.400

**11. Tai Nam Định:** - XM Hoàng Thạch: 1.590 XM Cẩm phả: 1.470

- XM Bím Sơn: 1.670

- XM Long Sơn: 1.485 - XM Chin Fon 1.590

**12. Tai Thái Bình:**

- XM Xuân Thành: 1.510 - XM Chin Fon: 1.570 XM Thăng Long: 1.500

- XM Long Sơn: 1.485 - XM Cẩm phả: 1.480

**13. Tai Hà Nội:**

- XM Chin Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.610

- XM Phúc Sơn: 1.510 - XM Bím Sơn: 1600

- XM Tam Điệp: 1590 - XM Bút Sơn: 1590

- Long Sơn: 1.370 - XM Thăng Long PCB 40: 1.530

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.570 - XM Cẩm Phả: 1.540

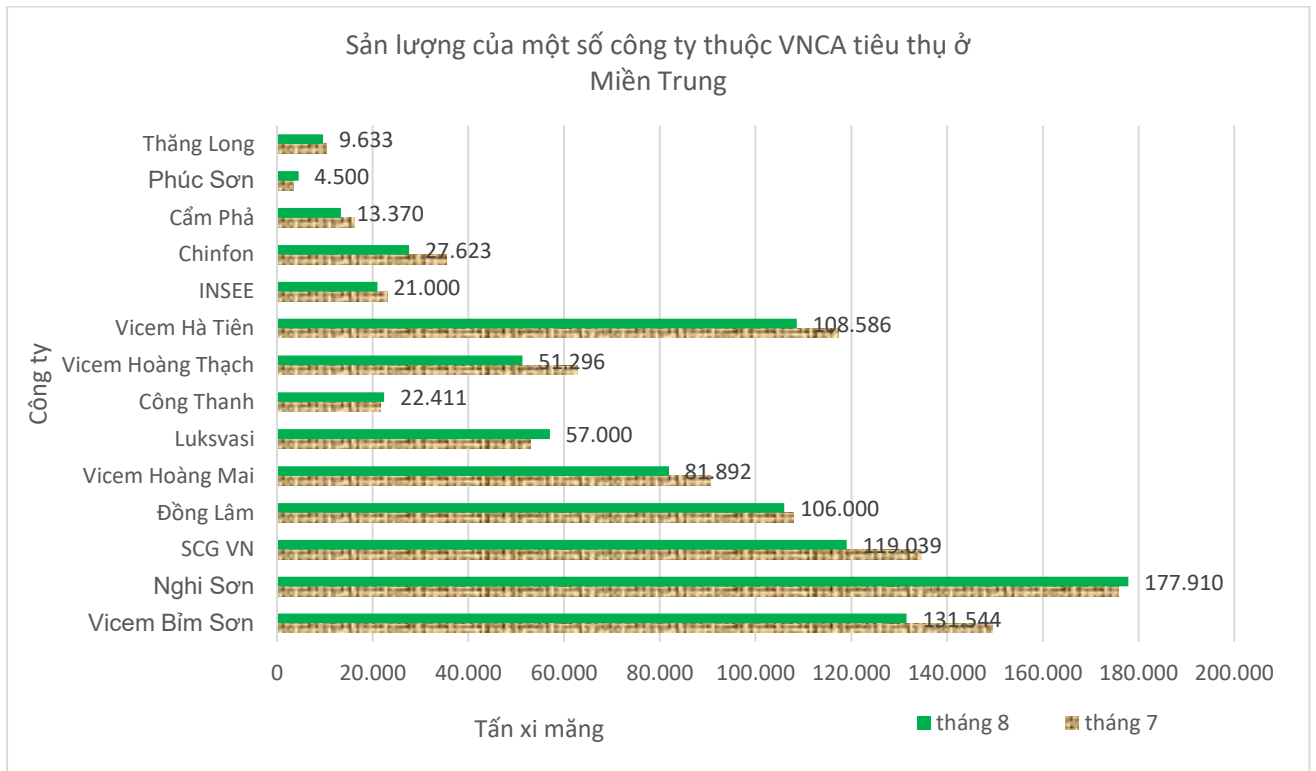
**15. Tai Hải phòng:** - XM ChinFon: 1.640 XM Long Sơn: 1.490

- XM Hải phòng: 1.690 - XM Phúc Sơn: 1.480

**II. Thị trường xi măng miền Trung:**

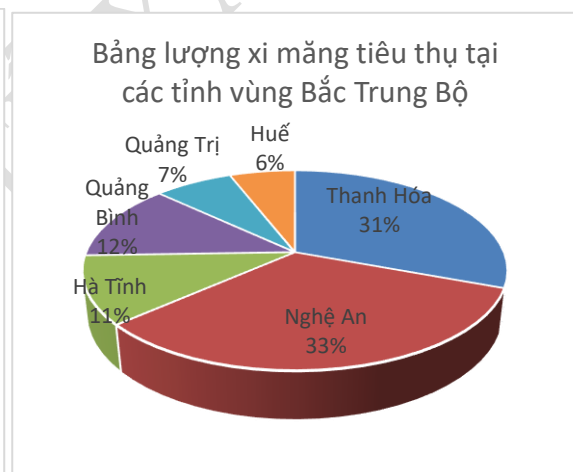
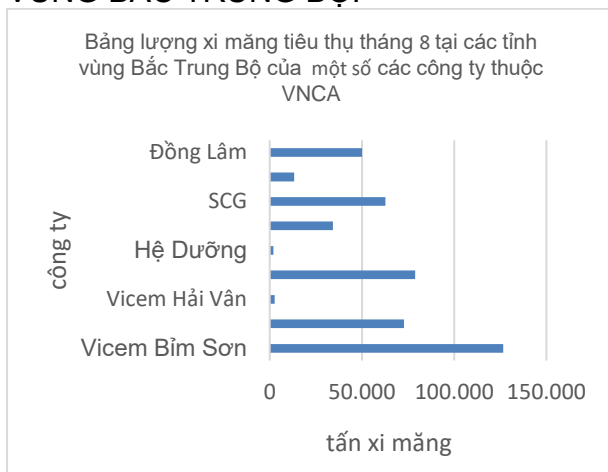
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 8/2022: 1.353.511 tấn (tháng 7 là 1.470.434 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

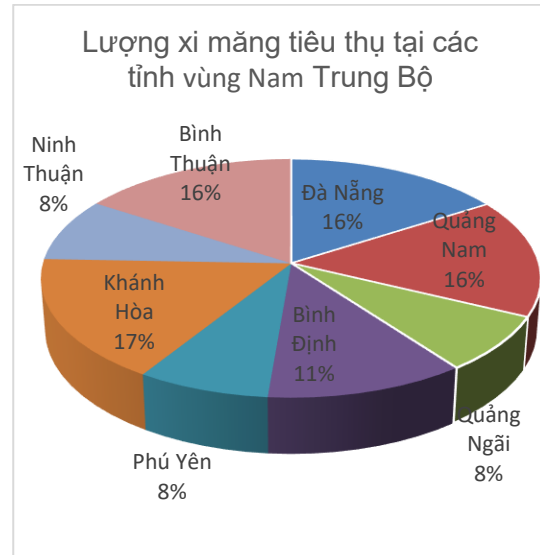
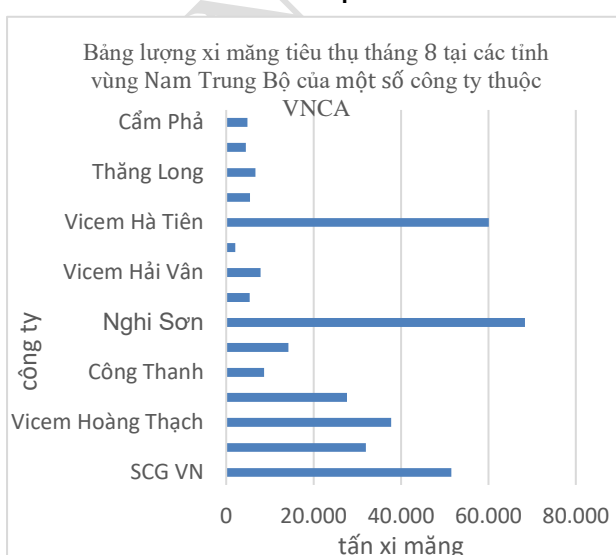


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 8/2022 như sau:

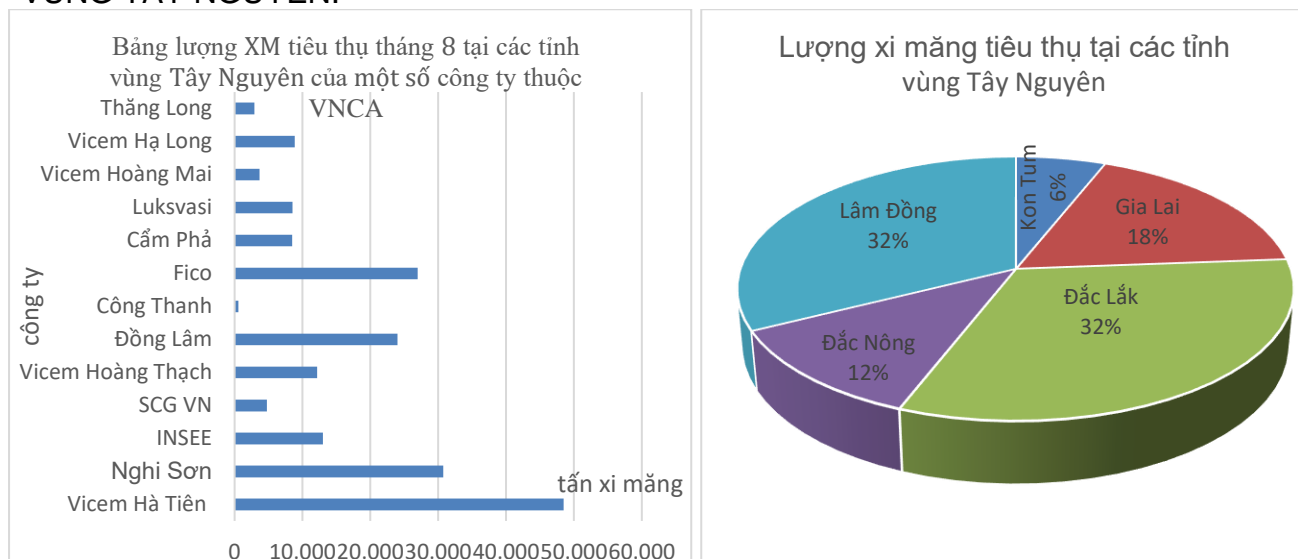
#### VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



#### VÙNG NAM TRUNG BỘ



## VÙNG TÂY NGUYÊN:



**Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau:** (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

**\* Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.300
- XM Bỉm Sơn: 1.500
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.510

**\* Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM Sông Gianh: 1.460
- XM Luks VN PCB 40: 1.400
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.500

**\* Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:** - XM Sông Gianh: 1.720 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.650

- XM Long Sơn: 1.640
- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.700
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.690
- XM Đồng Lâm: 1.620
- XM luks VN PCB 40: 1.690
- ChinFon: 1.770

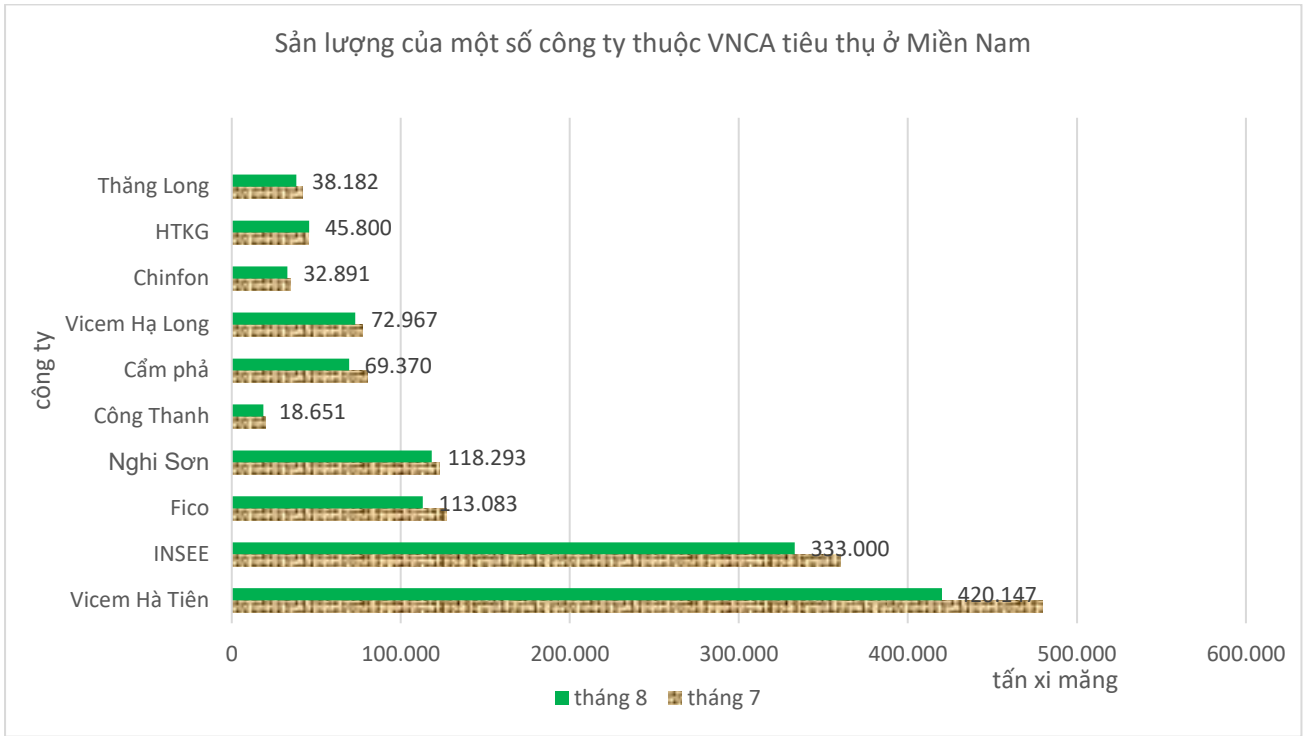
**\* Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.980

- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 2.080
- XM Thăng Long 1.900
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.940

### **III. Thị trường xi măng Miền Nam:**

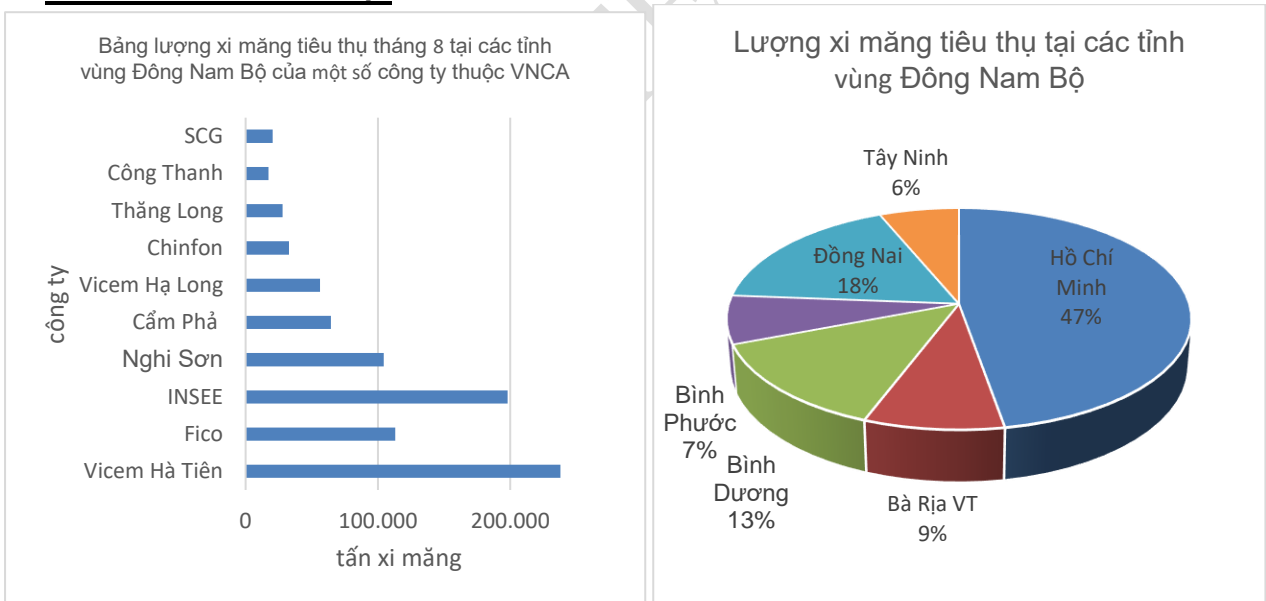
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.777.234 tấn (tháng 7 là 1.956.926 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

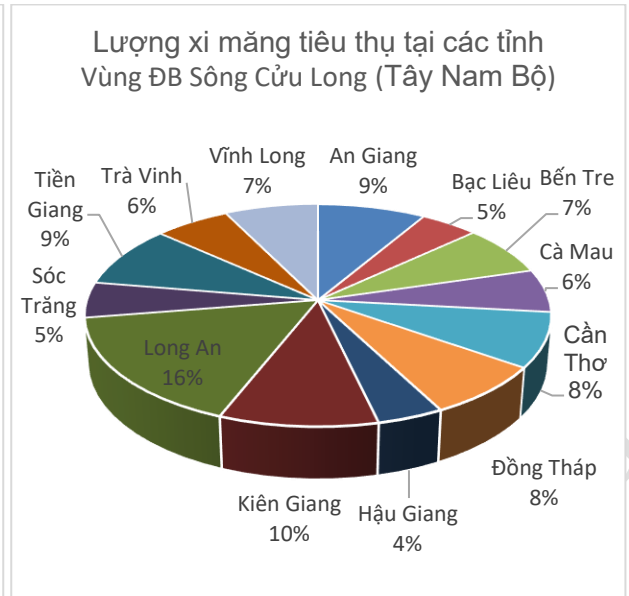
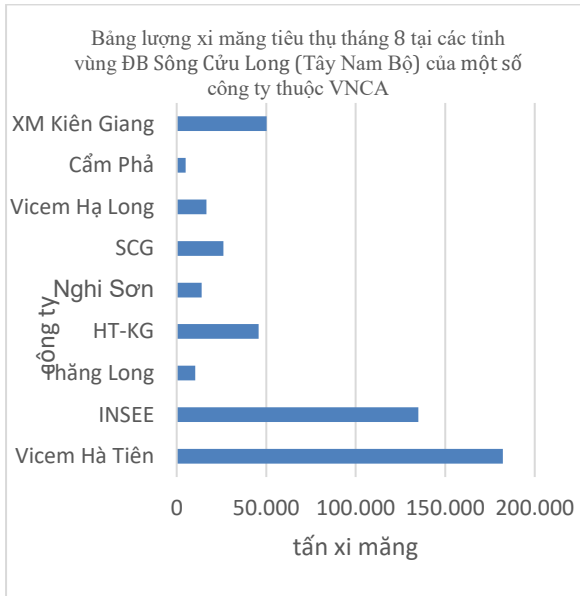


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 8/2022 như sau:

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:**



**VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):**



**Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)**

**\* Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 2.040; XM Starcem: 1.810
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.800 - XM FICO: 1.850
- XM ChinFon :1.760 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.890 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.800 - XM Công Thành: 1.750 (giá đến người tiêu dùng)

**\* Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.840 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.700
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.594; PCB 50 xá: 1.653
- XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.860
- INSEE: 1.860 - Starcem: 1.840

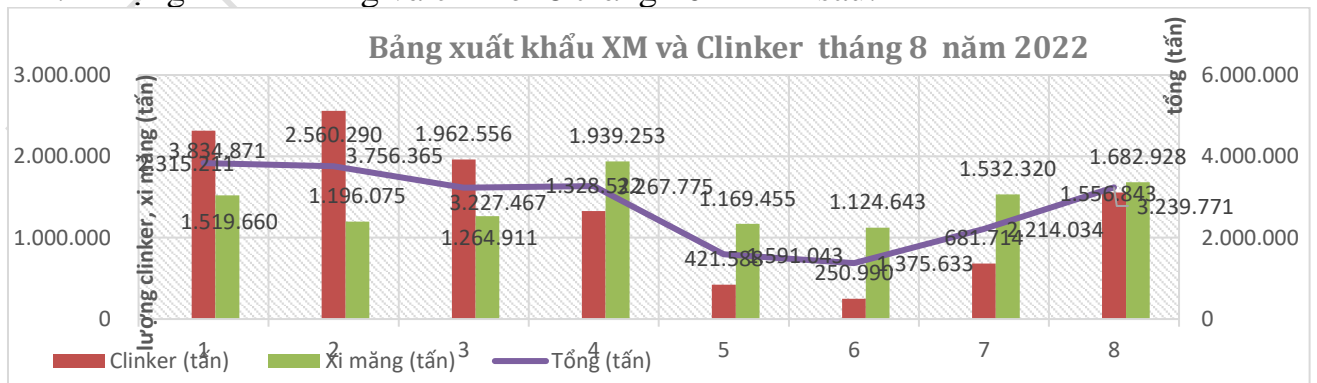
- \* Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.860
- XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.400 PCB 40: 1.500
- XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.700

**Nhận xét chung thị trường nội địa:**

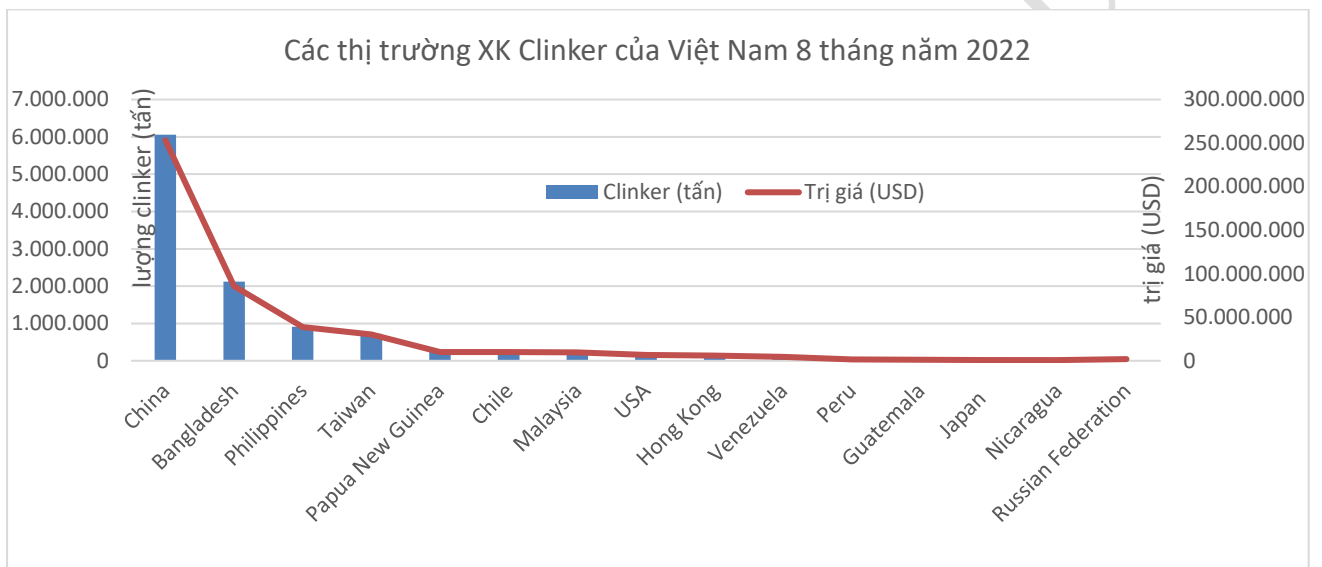
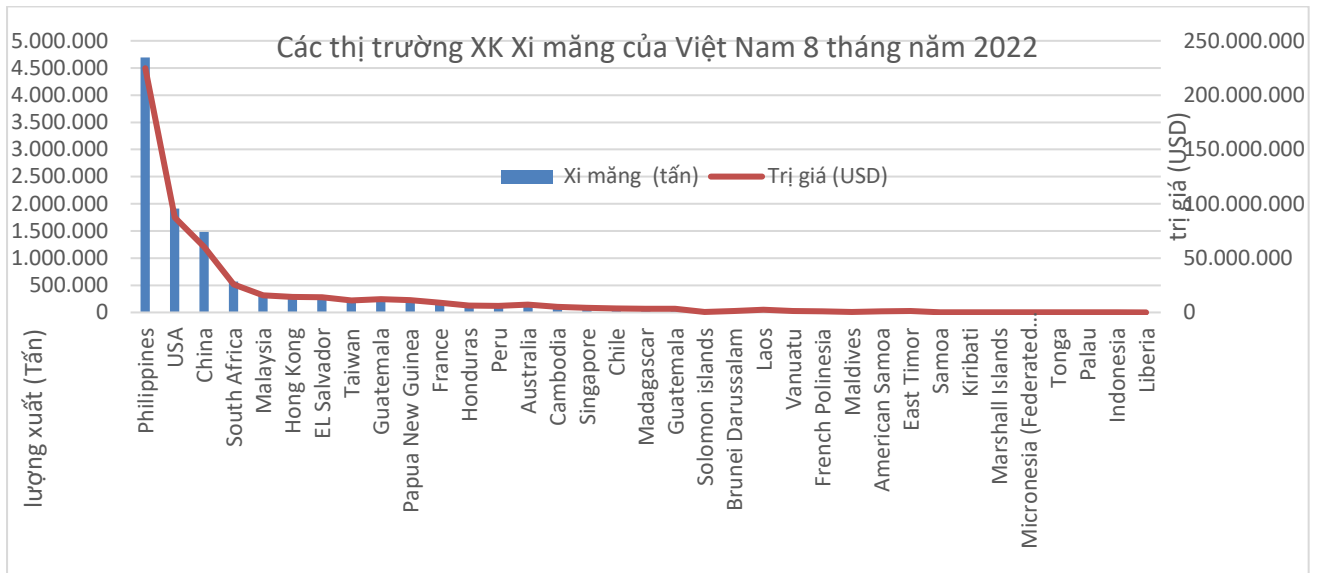
- Về tiêu thụ xi măng: giảm so với tháng 7
- Về giá bán xi măng: ổn định như tháng 7.
- Tồn kho cuối tháng 8: Xi măng: 1,9 triệu tấn; clinker: 4 triệu tấn.

**B- XUẤT KHẨU (XK):**

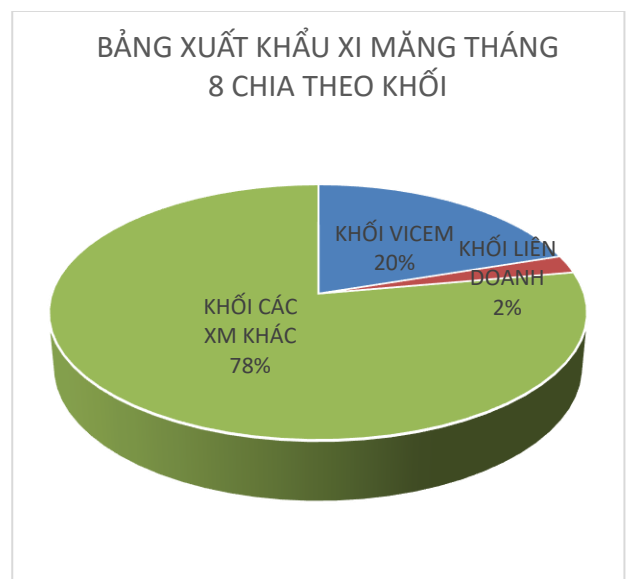
**1. Lượng XK xi măng và clinker 8 tháng 2022 như sau:**



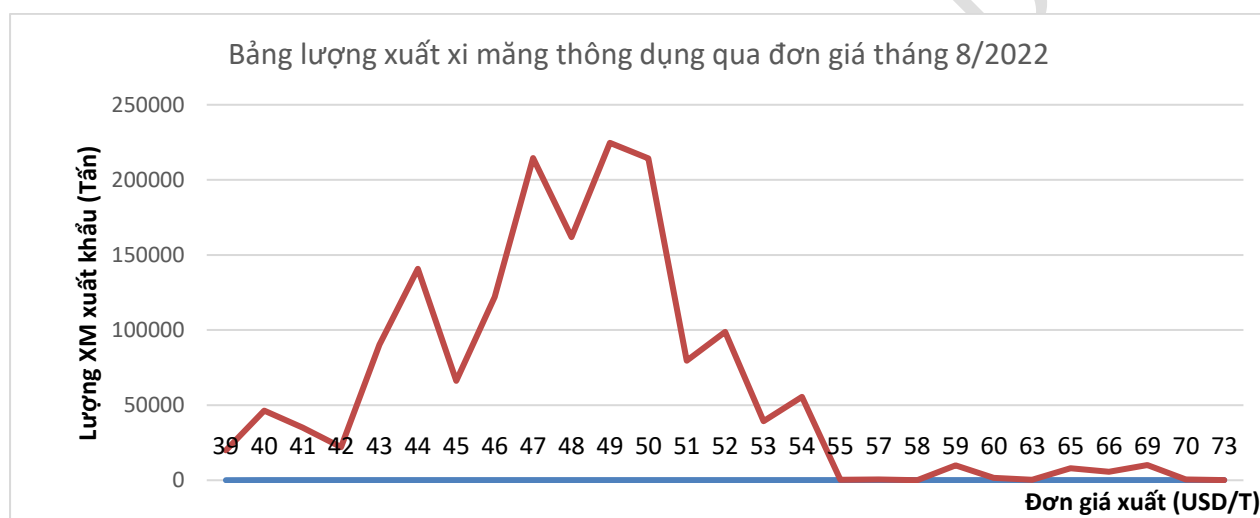
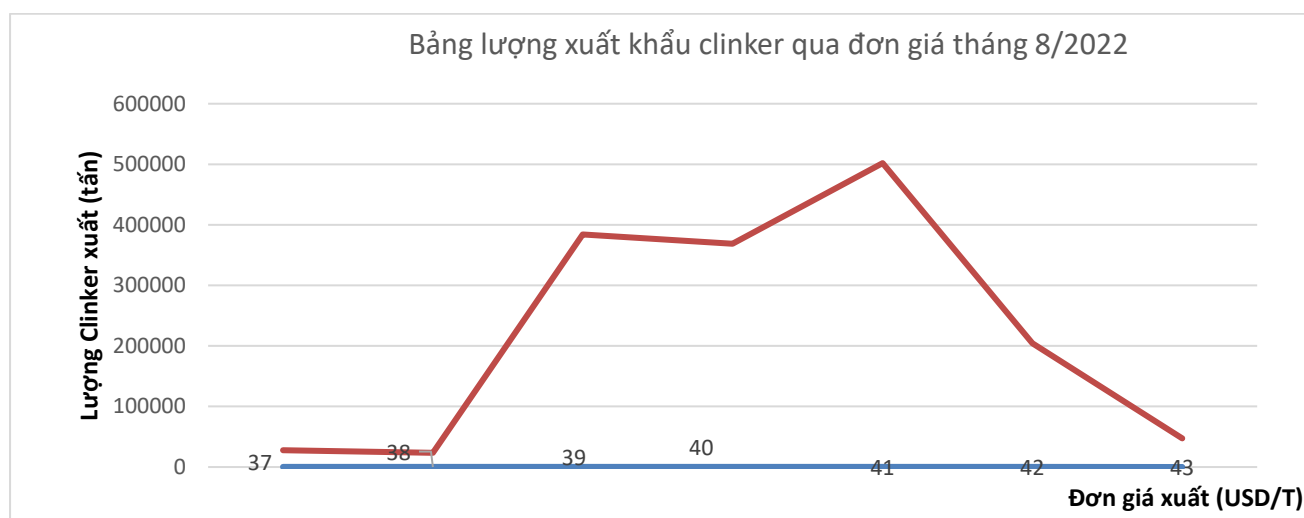
**2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 8 tháng năm 2022:**



3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 8 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 8/2022 như sau:



**C- SX THÁNG 8/2022, KẾ HOẠCH THÁNG 9/2022 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2022:**

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 8/2022	Lũy kế SX xi măng 2022	Kế hoạch TTND T9/2022	Lũy kế TTND năm 2022
<b>A</b>	<b>Khối VICEM</b>	<b>1.940.435</b>	<b>16.725.529</b>	<b>1.758.000</b>	<b>14.398.323</b>
1	Vicem Hải Phòng	154.689	1.180.724	232.000	1.687.420
2	Vicem Hoàng Thạch	296.214	2.592.505	320.000	2.646.126
3	Vicem Bút Sơn	236.976	2.074.707	263.000	1.867.659
4	Vicem Tam Điệp	82.813	813.182	0	0
5	Vicem Bỉm Sơn	211.904	2.111.913	212.000	1.922.226
6	Vicem Hoàng Mai	116.680	1.078.644	85.000	876.658
7	Vicem Hải Vân	43.165	354.188	10.000	74.509
8	Vicem Hà Tiên	515.587	4.313.742	508.000	4.401.909
9	Vicem Hạ Long	200.573	1.503.226	124.000	916.819
10	Vicem Sông Thao	81.835	702.698	4.000	1.963

<b>B</b>	<b>Khôi LD</b>	<b>1.349.590</b>	<b>11.155.048</b>	<b>1.396.790</b>	<b>10.150.041</b>
1	XM Nghi Sơn	457.724	3.290.755	378.000	<b>2.692.925</b>
2	XM Chinfon	154.831	1.775.149	255.200	<b>1.755.847</b>
3	Siam City Cement	370.000	3.050.000	400.000	<b>3.006.000</b>
4	XM Luks(Vietnam)	75.000	620.000	60.000	<b>501.000</b>
5	XM Thăng Long	90.000	805.000	85.000	<b>619.366</b>
6	XM Hệ Dưỡng	12.035	174.144	18.970	<b>157.573</b>
7	SCG VN	190.000	1.370.000	180.000	<b>1.289.377</b>
8	XM Phúc Sơn	0	70.000	19.620	<b>127.953</b>
<b>C</b>	<b>Khối các Cty xm khác</b>	<b>3.080.000</b>	<b>25.230.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>17.355.000</b>
	<b>Toàn XH: (A+B+C)</b>	<b>6.370.025</b>	<b>53.110.577</b>	<b>5.154.790</b>	<b>41.903.364</b>

#### Đánh giá:

- TTND tháng 8/2022: 4.705.042 tấn bằng 137% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 90% so với tháng 7/2022.
- Tổng TTND 8 tháng năm 2022 đạt 41.903.464 tấn tăng 4% với cùng kỳ 2021.
- Xuất khẩu tháng 8/2022: 3.239.771 tấn bằng 77% so với cùng kỳ 2021, bằng 146% so với tháng 7 (trong đó xi măng là 1.682.928 tấn bằng 58% so với cùng kỳ 2021, 110% so với tháng 7/2021 và clinker là 1.556.843 tấn bằng 37% so với cùng kỳ 2021, bằng 228% so với tháng 7/2022).
- Tổng lượng xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2022 đạt: 22.506.959 tấn bằng 80% so với cùng kỳ năm 2021 (trong đó xi măng 11.429.245 tấn bằng 106% so với cùng kỳ, clinker là 11.077.714 tấn bằng 63% so với cùng kỳ 2021).
- TTND và xuất khẩu tháng 8/2022: 7.944.813 tấn bằng 104% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 107% so với tháng 7/2022.
- Tổng TTND và XK 8 tháng đầu năm 2022 đạt 64.410.323 tấn giảm 6% so với cùng kỳ năm 2021.